TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 90/2019/QĐST – HNGĐ	*Chiêm Hoá, ngày 17 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 127/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992;

HK tại: Thôn B Ch, xã T M, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
Hiện trú tại: Thôn T M, xã T A, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B Ch, xã T M, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Đức H.

***2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau*:**

- Về con chung: Anh Hoàng Đức H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Hoàng Thị Thúy H, sinh ngày 15/9/2012 và cháu Hoàng Ngọc T, sinh ngày 26/12/2014 (hiện nay các con đang ở cùng với anh Hoàng Đức H). Chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ cùng cấp dưỡng nuôi con chung cho cả hai cháu là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng/hai cháu (Mỗi cháu là 750.000đ

(Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng). Phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn mà không được ai cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với quyết định có hiệu lực pháp luật của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, cộng án phí chị D chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0001815 ngày 12/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được khấu trừ 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)* thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con chung *(Chị D đã nộp đủ tiền án phí)*.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T M, Huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Lục Thị Chiêm